Luật giao thông đường bộ mới nhất 2022 đã có tác động tích cực đến tình hình giao thông hiện nay. Đây là một trong những luật được áp dụng chung và chịu tác động trực tiếp hàng ngày nên các bạn cần thường xuyên theo dõi và cập nhật những thay đổi của văn bản pháp luật.

LUẬT GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ 2022 CÓ HIỆU LỰC KHI NÀO?

Ngày 30 tháng 12 năm 2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định xử phạt vị phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt. Nghị định có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2020 và thay thế Nghị định số 46/2016/NĐ-CP của chính phủ ban hành ngày 26 tháng 5 năm 2016. Quy định nổi bật nhất của Luật Giao thông đường bộ tại Nghị định số 100/2019 (NĐ-CP) là người điều khiển phương tiện vi phạm nồng độ cồn. Quy định này đã được bổ sung cho phù hợp với Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019.

TRA CỨU MỨC PHẠT 19 LỖI GIAO THÔNG THƯỜNG GẶP NĂM 2022

**1. Chuyển làn không có tín hiệu báo trước (Không Xi nhan)**

**Xe máy:** 100.000 đồng đến 200.000 đồng (Điểm a Khoản 2 Điều 5 Nghị định 100)

**Ô tô:** 400.000 đồng đến 600.000 đồng. 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng nếu vi phạm trên đường cao tốc.(Điểm g Khoản 5 Điều 5 Nghị định 100)

**Hình phạt bổ sung:** Xe ô tô vi phạm: Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng nếu vi phạm trên cao tốc (Điểm b Khoản 11 Điều 5 Nghị định 100)

2. Chuyến hướng không có tín hiệu báo hướng rẽ

**Xe máy:** 400.000 đồng đến 600.000 đồng(Điểm a Khoản 3 Điều 6 Nghị định 100)

**Ô tô:** 400.000 đồng đến 600.000 đồng(Điểm a Khoản 3 Điều 6 Nghị định 100)

3. Điều khiển xe rẽ trái/phải tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái/phải đối với loại phương tiện đang điều khiển

**Xe máy:** 400.000 đồng đến 600.000 đồng(Điểm a Khoản 3 Điều 6 Nghị định 100; Điểm a Khoản 4 Điều 2 Nghị định 123/2021/NĐ-CP)

**Ô tô:** 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng(Điểm k Khoản 3 Điều 5 Nghị định 100; Điểm a Khoản 3 Điều 2 Nghị định 123/2021/NĐ-CP)

4. Dùng tay sử dụng điện thoại di động khi đang điều khiển xe ô tô chạy trên đường

**Ô tô:** 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng(Điểm a Khoản 4 Điều 5 Nghị định 100; Điểm d Khoản 34 Điều 2 Nghị định 123/2021/NĐ-CP)

**Hình phạt bổ sung:** Xe ô tô vi phạm: Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 đến 03 tháng; từ 02 tháng đến 04 tháng nếu gây tai nạn giao thông(Điểm b, c Khoản 11 Điều 5 Nghị định 100)

5. Người đang điều khiển xe máy sử dụng điện thoại di động, thiết bị âm thanh (trừ thiết bị trợ thính)

**Xe máy:** 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng(Điểm h Khoản 4 Điều 6 Nghị định 100, Điểm g Khoản 34 Điều 2 Nghị định 123/2021/NĐ-CP)

**Hình phạt bổ sung:** Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng(Điểm b Khoản 10 Điều 6 Nghị định 100)

6. Vượt đèn đỏ, đèn vàng(Lưu ý: Đèn tín hiệu vàng nhấp nháy thì được đi nhưng phải giảm tốc độ)

**Xe máy:** 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng(Điểm e, khoản 4, Điều 6 Nghị định 100; Điểm g Khoản 34 Điều 2 Nghị định 123/2021/NĐ-CP)

**Ô tô:** 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng(Điểm a Khoản 5 Điều 5 Nghị định 100; Điểm đ Khoản 34 Điều 2 Nghị định 123/2021/NĐ-CP)

**Hình phạt bổ sung:**

- Xe máy vi phạm: Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng(Điểm b Khoản 10 Điều 6 Nghị định 100)

- Xe ô tô vi phạm: Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng; từ 02 đến 04 tháng nếu gây tai nạn giao thông.(Điểm b, c Khoản 11 Điều 5 Nghị định 100)

7. Đi không đúng phần đường hoặc làn đường quy định (Đi sai làn)

**Xe máy:** 400.000 đồng đến 600.000 đồng(Điểm g Khoản 3 Điều 6 Nghị định 100).

***Trường hợp xảy ra tai nạn:*** 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng.

**Ô tô:** 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng (Điểm đ Khoản 5 Điều 5 Nghị định 100). Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng.

***Trường hợp xảy ra tai nạn:*** 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng nếu gây tai nạn giao thông. Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng

8. Đi không đúng theo chỉ dẫn của vạch kẻ đường

**Xe máy:** 100.000 đồng đến 200.000 đồng(Điểm a Khoản 1 Điều 6 Nghị định 100)

**Ô tô:** 300.000 đồng đến 400.000 đồng(Điểm a Khoản 1 Điều 5 Nghị định 100)

9. Đi ngược chiều của đường một chiều, đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”

**Xe máy:** 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng(Khoản 5 Điều 6 Nghị định 100)

**Ô tô:** 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng(Điểm c Khoản 5 Điều 5 Nghị định 100)

**Hình phạt bổ sung:**

- Xe máy vi phạm: Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng.(Điểm b Khoản 10 Điều 6 Nghị định 100)

- Xe ô tô vi phạm: Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng.(Điểm c Khoản 11 Điều 5 Nghị định 100)

**Trường hợp nếu gây tai nạn giao thông:**

Xe máy: 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng nếu gây tai nạn giao thông.(Điểm b Khoản 7 Điều 6 Nghị định 100)

Ô tô: 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng nếu gây tai nạn giao thông.(Điểm a Khoản 7 Điều 5 Nghị định 100)

**Hình phạt bổ sung:**

- Xe máy vi phạm: Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng.(Điểm c Khoản 10 Điều 6 Nghị định 100)

- Xe ô tô vi phạm: Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng.(Điểm c Khoản 11 Điều 5 Nghị định 100)

**Trường hợp đi ngược chiều, lùi trên đường cao tốc:** 16.000.000 đồng đến 18.000.000 đồng. Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 05 tháng đến 07 tháng (Điểm đ Khoản 11 Điều 5 Nghị định 100)

10. Đi vào đường có biển báo cấm phương tiện đang điều khiển

Xe máy: 400.000 đồng đến 600.000 đồng.(Điểm i Khoản 3 Điều 6 Nghị định 100)

Ô tô: 400.000 đồng đến 600.000 đồng(Điểm i Khoản 3 Điều 6 Nghị định 100)

Hình phạt bổ sung:

- Xe máy vi phạm: Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng.(Điểm b Khoản 10 Điều 6 Nghị định 100)

- Xe ô tô vi phạm: Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng.(Điểm b Khoản 11 Điều 5 Nghị định 100)

11. Điều khiển ô tô không có gương chiếu hậu.

Ô tô: 300.000 đồng đến 400.000 đồng(Điểm a Khoản 2 Điều 16 Nghị định 100)

12. Điều khiển xe máy không có gương chiếu hậu bên trái hoặc có nhưng không có tác dụng.

Xe máy: 100.000 đồng đến 200.000 đồng(Điểm a Khoản 1 Điều 17 Nghị định 100)

13. Không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách.

Xe máy: 400.000 đồng đến 600.000 đồng(Điểm b Khoản 4 Điều 2 Nghị định 123/2021/NĐ-CP)

14. Chở người ngồi trên xe không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách

Xe máy: 400.000 đồng đến 600.000 đồng(Điểm b Khoản 4 Điều 2 Nghị định 123/2021/NĐ-CP)

15. Không có giấy phép lái xe(Với người đã đủ tuổi được điều khiển phương tiện)

Xe máy: Không có giấy phép lái xe (Với người đã đủ tuổi được điều khiển phương tiện)

Ô tô: 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng(Khoản 11 Điều 2 Nghị định 123/2021/NĐ-CP)

16. 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng(Khoản 11 Điều 2 Nghị định 123/2021/NĐ-CP)

Xe máy: 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng(Điểm a Khoản 2 Điều 17; Điểm m Khoản 34 Điều 2 Nghị định 123/2021/NĐ-CP)

Ô tô: 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng(Khoản 9 Điều 2 Nghị định 123/2021/NĐ-CP)

17. Không có hoặc không mang theo Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực

Xe máy: 100.000 đồng đến 200.000 đồng(Điểm a Khoản 2 Điều 21 Nghị định 100)

Ô tô: 400.000 đồng đến 600.000 đồng(Điểm b Khoản 4 Điều 21 Nghị định 100)

18. Có nồng độ cồn trong máu hoặc hơi thở khi điều khiển xe

**Xe máy:**

- 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng nếu trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililít máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở.(Điểm c Khoản 6 Điều 6 Nghị định 100)

Hình phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 10 tháng đến 12 tháng(Điểm đ khoản 10 Điều 6; Điểm e Khoản 11 Điều 5 Nghị định 100)

- 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng nếu có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở.(Điểm c Khoản 7 Điều 6 Nghị định 100)

Hình phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 16 tháng đến 18 tháng.(Điểm e Khoản 10 Điều 5; Điểm g Khoản 11 Điều 5 Nghị định 100)

- 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng nếu có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở.(Điểm e Khoản 8 Điều 6 Nghị định 100)

Hình phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 22 tháng đến 24 tháng.(Điểm g Khoản 10 Điều 5; Điểm h Khoản 11 Điều 5 Nghị định 100)

**Xe ô tô:**

- 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng nếu trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililít máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở.(Điểm c Khoản 6 Điều 5 Nghị định 100)

Hình phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 10 tháng đến 12 tháng(Điểm đ khoản 10 Điều 6; Điểm e Khoản 11 Điều 5 Nghị định 100)

- 16.000.000 đồng đến 18.000.000 đồng nếu có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở.(Điểm c Khoản 8 Điều 5 Nghị định 100).

Hình phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 16 tháng đến 18 tháng.(Điểm e Khoản 10 Điều 5; Điểm g Khoản 11 Điều 5 Nghị định 100)

- 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng nếu có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở.(Điển a Khoản 10 Điều 5 Nghị định 100).

Hình phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 22 tháng đến 24 tháng.(Điểm g Khoản 10 Điều 5; Điểm h Khoản 11 Điều 5 Nghị định 100)

19. Điều khiển xe chạy quá tốc độ

Xe máy:

- Không bị phạt nếu chạy quá tốc độ cho phép dưới 05 km/h (Điểm c Khoản 2 Điều 6 Nghị định 100)

- 300.000 đồng đến 400.000 đồng nếu chạy quá tốc độ quy định từ 05 km/h đến dưới 10 km/h.(Điểm c Khoản 2 Điều 6 Nghị định 100; Điểm k Khoản 34 Điều 2 Nghị định 123/2021/NĐ-CP)

- 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng nếu chạy quá tốc độ quy định từ 10 km/h đến 20 km/h(Điểm a Khoản 4 Điều 6 Nghị định 100; Điểm g Khoản 34 Điều 2 Nghị định 123/2021/NĐ-CP). Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng(Điểm b Khoản 11 Điều 5 Nghị định 100).

- 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng nếu chạy quá tốc độ quy định trên 20 km/h.(Điểm a Khoản 7 Điều 6 Nghị định 100). Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng(Điểm c Khoản 10 Điều 6).

Xe ô tô:

- Không bị phạt nếu chạy quá tốc độ cho phép dưới 05 km/h(Điểm a Khoản 3 Điều 5 Nghị định 100)

- 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng nếu chạy quá tốc độ quy định từ 05 km/h đến dưới 10 km/h.(Điểm a Khoản 3 Điều 5 Nghị định 100)

- 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng nếu chạy quá tốc độ quy định từ 10 km/h đến 20 km/h.(Điểm i Khoản 5 Điều 5 Nghị định 100; Điểm đ Khoản 34 Điều 2 Nghị định 123/2021/NĐ-CP). Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng(Điểm c Khoản 11 Điều 5 Nghị định 100)

- 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng nếu chạy quá tốc độ quy định trên 20 km/h đến 35 km/h. (Điểm a Khoản 6 Điều 5 Nghị định 100). Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng(Điểm c Khoản 11 Điều 5 Nghị định 100).

- 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng nếu chạy quá tốc độ quy định trên 35 km/h.(Điểm c Khoản 7 Điều 5 Nghị định 100). 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng nếu chạy quá tốc độ quy định trên 35 km/h.(Điểm c Khoản 7 Điều 5 Nghị định 100).